

Số: 83/2022/QĐST-HNGĐ

Ngày: 01 - 11 - 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
và thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán
- *Thư ký phiên họp:* Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 300/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2022, giữa:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1995. Nơi ĐKKHKT: phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được anh T ủy quyền giao nhận văn bản:*** Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh 1961, địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh T và ông Đ đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị N, anh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung đến

tháng 3 năm 2018 thì anh T đi sang Đài Loan làm việc. Thời gian đầu anh chị vẫn thường xuyên liên lạc và chia sẻ qua điện thoại với nhau. Dần dần do công việc của anh chị bận rộn, ít liên lạc, chia sẻ với nhau. Đến năm 2019, anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm do không thống nhất trong cách làm ăn kinh tế cũng như việc nuôi dạy con cái, mỗi người sống một nơi nên không còn tin tưởng sự chung thủy vợ chồng. Từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt, không muốn liên lạc, nói chuyện với nhau nữa, chị N không còn chung sống tại gia đình chồng, do bận công việc nên chị cũng không có thời gian chăm sóc con cái nên đã nhờ vợ chồng ông Đ trông nom con giúp. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Bảo Anh T, sinh ngày 10/8/2017, hiện nay đang ở với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ anh T). Hai bên đã thỏa thuận để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, anh T tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh T chưa về nước, anh T có trách nhiệm gửi tiền về nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, bố mẹ anh T cũng không yêu cầu anh T phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là bố anh T. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N và anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T do đang sinh sống ở Đài Loan không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn chị N tại Tòa án được nên đã ủy quyền cho ông thay mặt giao nộp tài liệu và nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh T và cam kết có trách nhiệm thông báo lại cho anh T biết kết quả giải quyết của Tòa án. Hiện tại vợ chồng ông vẫn chăm sóc cháu Nguyễn Bảo Anh T từ khi chị N dọn ra ngoài làm ăn, sinh sống nên anh T nhờ vợ chồng ông tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi anh T về nước. Vợ chồng ông hoàn toàn nhất trí thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh T vẫn thường xuyên gửi tiền về cho vợ chồng ông để nuôi dưỡng cháu T đảm bảo cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo Anh T, sinh ngày 10/8/2017; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu T cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh T) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh T về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chịu toàn bộ 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T đều có địa chỉ tại thành phố Hải Dương và cùng làm đơn xin ly hôn; anh T là người Việt Nam hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và giấy ủy quyền của anh Nguyễn Văn T đều được xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Chị N, anh T và ông Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung đến tháng 3/2018 thì anh T sang lao động tại Đài Loan, chị N ở Việt Nam chăm sóc con cái. Đến năm 2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về cách làm ăn kinh tế, cách nuôi dạy con cái và không còn tin tưởng về sự chung thủy của nhau, chị N cũng đã gửi con lại cho bố mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc giúp và dọn ra chỗ ở khác để làm ăn, sinh sống. Nay chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo Anh T, sinh ngày 10/8/2017, hiện đang ở với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ anh T). Anh chị đã thỏa thuận sau khi ly hôn giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung và cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành, chị N nhất trí. Trong thời gian anh T chưa về nước, anh nhờ bố mẹ đẻ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi anh về nước. Ông Đ hoàn toàn nhất trí thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh T phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh T vẫn thường xuyên gửi tiền về để nuôi dưỡng cháu T đảm bảo cuộc sống. Việc thỏa thuận nuôi con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật

Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Tòa án chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo Anh T, sinh ngày 10/8/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu T cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ anh T) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh T về nước trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0001648 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND P. C, TP. H, tỉnh HD (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Mạc Minh Quang